

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 479/2022/DS-ST

Ngày: 27-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hoàng Liễu

2. Ông Phan Hoàng Nam

– Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

– Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Văn Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 426/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 348/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1968 và ông Hồ Hoàng A, sinh năm 1943;

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1964;

Địa chỉ: phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Võ Thị Thu H trình bày:

Vào ngày 22/11/2020, bà Võ Thị Thu H có cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 vay số tiền 170.000.000 đồng, thời hạn vay tiền là 01 tháng. Việc vay mượn không quy định lãi suất. Hết thời hạn 01 tháng, bà Nguyễn Thị Thanh H1 và chồng là ông Hồ Hoàng A có viết giấy cam kết mượn tiền là đến ngày 22/3/2021 sẽ trả cho bà Võ Thị Thu H số tiền đã vay. Tuy nhiên, đến ngày 22/3/2021, bà Nguyễn Thị Thanh H1, ông Hồ Hoàng A không trả tiền như đã cam kết. Bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Hồ Hoàng A tiếp tục viết giấy xin hẹn nợ đến ngày 22/4/2021 sẽ trả hết tiền đã vay cho bà Võ Thị Thu H.

Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ, bà Võ Thị Thu H đã nhiều lần liên hệ với bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Hồ Hoàng A yêu cầu thanh toán khoản nợ trên nhưng bà Nguyễn Thị Thanh H1, ông Hồ Hoàng A vẫn không trả số tiền đã mượn. Từ lúc vay tiền cho đến nay, bà Võ Thị Thu H không nhận tiền lãi cũng như tiền nợ gốc của bà Nguyễn Thị Thanh H1.

Bà Võ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Hồ Hoàng A có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Thu H, ông Nguyễn Thanh H3 số tiền là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Bà H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ nói trên.

Số tiền là 170.000.000 đồng bà Võ Thị Thu H cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Hồ Hoàng A vay là tài sản chung của bà Võ Thị Thu H và chồng bà là ông Nguyễn Thanh H3.

Ngày 16/8/2022 bà Võ Thị Thu H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H1, ông Hồ Hoàng A:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng bà Hà và ông Anh vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H3 trình bày:

Ông Nguyễn Thanh H3 thống nhất với lời trình bày của bà Võ Thị Thu H. Số tiền là 170.000.000 đồng mà vợ ông cho bà Nguyễn Thị Thu H vay là tài sản chung của bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh H3.

Ông Nguyễn Thanh H3 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H2 và ông Hồ Hoàng A có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Thanh H3 số tiền là 170.000.000 đồng. Ông Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ông Hoàng không yêu cầu tính lãi đối với số

tiền nợ nói trên.

Ngày 16/8/2022 ông Nguyễn Thanh H3 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đều đã được thực hiện đúng quy định nên việc xét xử vắng mặt các đương sự vừa nêu là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên Quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Hồ Hoàng A trả số tiền vay theo Giấy cam kết mượn tiền ngày 22/11/2020 mà các bên đã ký, đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bị đơn hiện cư trú tại xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngày 16/8/2022 bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh H3 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của đương sự là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Hồ Hoàng A không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt bà H1, ông A là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung:

Bà Võ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Hồ Hoàng A phải trả cho bà Hà số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

[3.1] Căn cứ vào Giấy cam kết mượn tiền ngày 22/11/2020 giữa bà Võ Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thanh H1 có cơ sở để xác định bà Thanh H1 có vay của bà Thu H số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng)

Giao dịch giữa hai bên được xác định là hợp đồng vay tài sản và không quy định về lãi suất; Giấy cam kết mượn tiền ngày 22/11/2020 được xác định là có kỳ hạn. Hợp đồng được giao kết trên cơ sở tự nguyện nên có giá trị pháp lý phù hợp với các quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ràng buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

Quá thời hạn thanh toán theo thỏa thuận, nhưng bà Thanh H1 không trả số tiền đã vay cho bà Thu H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại các bản tự khai, biên bản hoà giải bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh H3 xác nhận số tiền cho bị đơn vay là tài sản chung của vợ chồng, do đó buộc bị đơn trả lại tiền cho vợ chồng ông, bà. Theo Giấy mượn tiền ngày 22/11/2020 bà Võ Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Thanh H1 ký kết với nhau, đến ngày 22/3/2021 bà Thanh H1 và ông A ký Giấy xin hẹn nợ với bà Võ Thị Thu H. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Nguyễn Thanh H3 trả cho nguyên đơn là bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh H3 số tiền 170.000.000 đồng.

[3.2] Theo kết quả xác minh của Công an xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: “Đương sự Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1968, đương sự Hồ Hoàng Anh, sinh năm 1954 có hộ khẩu thường trú tại ấp 4, xã V, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh...”. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Hồ Hoàng A đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả một lần toàn bộ số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 (BLTTDS) thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do bà H1, ông A không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như bà H1, ông A chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

[4.3] Về tiền lãi: Do bà Võ Thị Thu H, ông Nguyễn Thanh H3 tự nguyện không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Hồ Hoàng A có trách nhiệm liên đới phải trả cho nguyên đơn số tiền là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 117, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh H3 đối với bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Hồ Hoàng A về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Hồ Hoàng A liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh H3 số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 22/11/2020.

Kể từ ngày bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Thanh H3 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Hồ Hoàng A chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bà bà Nguyễn Thị Thanh H1 và ông Hồ Hoàng A chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Hoàn lại cho bà Võ Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0040367 ngày 30/12/2021 và của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- CCTHADS H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Phạm Thị Tuyết